

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16-5-2019

Về tranh chấp về nuôi con của
nam, nữ chung sống với nhau như
vợ chồng mà không có đăng ký
kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ – TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phước Thị Kim Huê

2. Bà Thạch Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Sum - kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 và theo Thông báo ngày xét xử số: 05/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Hồng Nh, sinh năm 1977; địa chỉ: khóm 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Lý Phương V, sinh năm 1977; địa chỉ: Khóm 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Chỗ ở: ấp C, xã Gi, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt)

- Con chung: Cháu Lý Khánh A, sinh ngày 08/10/2003; Cùng địa chỉ với chị Nhung: khóm 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2018, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 21 tháng 02 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị Hồng Nh trình bày và yêu cầu:

Về hôn nhân: năm 2002 chị và anh V tự nguyện kết hôn với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới thì 02 người sống chung nhà cha mẹ chị tại khóm 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, sau đó về sống bên nhà anh V được vài tháng thì trở lại nhà cha mẹ chị. Quá trình sống chung chị biết được anh V có tính mê cờ bạc gồm: đánh bài, đá gà, số đề ... v ... v... . Nhiều lần khuyên can mà anh V không sửa đổi nên cách nay khoảng 06 năm có 01 lần chị đã khởi kiện yêu cầu ly hôn. Nhưng sau đó chị đã rút đơn khởi kiện do gia đình hai bên khuyên giải, chị đồng ý cho anh V thêm thời gian và cơ hội mà đến nay vẫn không sửa đổi được, cứ dành dụm tiền được bao nhiêu là đem đi cờ bạc hết. Nay chị kiên quyết vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh V, không yêu cầu đoàn tụ nữa. Vì từ ngày chị khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh V đã bỏ về nhà cha mẹ của anh V ở ấp C, xã Gi, huyện C, tỉnh Trà Vinh, chị xác nhận địa chỉ mà chị ghi trong đơn khởi là ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh là sai.

Về con chung: chị với anh V có 01 con chung tên Lý Khánh A, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2003 hiện sống chung với tôi và đang học lớp 10 tại trường Trung học phổ thông A, chị yêu cầu nuôi con tiếp và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung chị khai không có nên không có yêu cầu.

Bị đơn anh Lý Phương V vắng mặt nên không có lời khai.

Tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 02 năm 2019 đối với chị Lý Thị Kim V là chị của anh Lý Phương V cho biết, chị là chị của anh V sống chung nhà, chị có nhận các văn bản tố tụng thay cho anh V (gồm thông báo thụ lý vụ án và các thông báo, giấy triệu tập), sau khi nhận chị có thông báo cho anh V biết nội dung, vì anh V đang đi làm thuê ở TP. HCM nên không chịu về, anh V cũng đồng ý ly hôn theo chị Nh yêu cầu và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 02 năm 2019 cháu Lý Khánh A khai trình bày nguyện vọng yêu cầu được ở với chị Nh sau khi chị Nh và anh V ly hôn với nhau.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn thì vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ cho người thân thích nhận thay.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo lời khai của nguyên đơn cho thấy năm 2002 chị Nhg và anh V tự nguyện kết hôn với nhau và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng hai người chỉ sống chung với nhau thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh V mê cờ bạc, đến thời điểm chị Nh khởi kiện ly hôn thì hai người

không còn ở chung cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân của hai người là không hợp pháp và chỉ nhưng khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận hai người là vợ chồng là phù hợp, đây là thuộc trường hợp pháp luật không công nhận là vợ chồng. Về con chung là cháu Lý Khánh A đến ngày xét xử đã đủ 07 tuổi, chị Nh yêu cầu nuôi và yêu cầu của cháu cũng muốn ở chung chị Nh. Về tài sản chung và nợ chung thì chị Nh khai không có.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09 tháng 6 năm 2000; Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

Tuyên bố không công nhận chị Nh và anh V là vợ chồng, con chung giao chị Nh tiếp tục nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung thì đề nghị không giải quyết vì đương sự không ai yêu cầu.

Về án phí: đề nghị nguyên đơn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét về việc thụ lý và quá trình giải quyết của Tòa án, vụ án được thụ lý và giải quyết đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, quan hệ pháp luật tranh chấp tại khoản 7 Điều 28, xác định tư cách đương sự tại Điều 68, xác minh thu thập chứng cứ tại Điều 97 và thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 203.

[2] Xét về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã có thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đương sự làm việc và thông báo về kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự vào ngày 09 tháng 01 năm 2019, ngày 21 tháng 02 năm 2019, có thông báo về kết quả phiên họp; triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 17 tháng 4 năm 2019, ngày 16 tháng 5 năm 2019. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được thực hiện trực tiếp cho cá nhân theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự do chị Lý Thị Kim V là chị của anh Lý Phương V nhận thay và cam kết giao lại các văn bản tố tụng cho anh V. Nhận thấy anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng cố tình vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nh thì có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó có căn cứ xét xử vắng mặt anh V và chị Nh theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nh về yêu cầu không công nhận chị với anh V là vợ chồng. Qua lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 3 năm 2019 đối với Ủy ban nhân dân thị trấn C và biên bản xác minh ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với Ủy ban nhân dân xã Gi thể hiện: năm 2002 chị Nh và anh V kết hôn với nhau thông qua hình thức tổ chức lễ cưới. Nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sống chung đến khoảng cuối năm 2019 (thời điểm nộp đơn khởi kiện) thì hai người không còn sống chung cho đến nay, hai người đều không yêu cầu đoàn tụ. Tuy nhiên việc kết hôn này không được đăng ký theo quy định. Do đó hôn nhân của hai người không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và không làm

phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần tuyên bố không công nhận chị Nh và anh V là vợ chồng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09 tháng 6 năm 2000 và Thông tư liên tịch số 01/2016TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, chị Nh khai có 01 con chung với anh Vũ tên Lý Khánh A. Căn cứ giấy khai sinh số 191, Quyền số I/2004 đăng ký ngày 04 tháng 02 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Gi thể hiện cháu A sinh ngày 08 tháng 10 năm 2003, cho thấy đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu A đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng yêu cầu được ở với chị Nh theo chị Nh yêu cầu, anh V vắng mặt nhưng không có văn bản phản đối. Do đó căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu và xem xét nguyện vọng cháu có cơ sở giao cháu A cho chị Nh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tiếp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị Nh không yêu cầu nên không giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Xét về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án chị Nhung khai xác nhận không có và anh V không có văn bản phản đối nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội và được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, 51, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2016TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Hồng Nh.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Mai Thị Hồng Nh và anh Lý Phương V là vợ chồng.

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung, giao cháu Lý Khánh A, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2003 cho chị Mai Thị Hồng Nh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đồng thời theo nguyện vọng của cháu Lý Khánh A cũng yêu cầu được ở chung với chị Mai Thị Hồng Nh.

Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Mai Thị Hồng Nh nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019328 ngày 11 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, gửi bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga